

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2023/HS-ST**

Ngày: 29-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Việt Hưng

Bà Hoàng Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lương Văn Đ (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04 tháng 6 năm 1979 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lương Văn C và bà Chu Thị Đ (đều đã chết); Bị cáo có vợ là Hoàng Thị K, sinh năm 1973 và 02 người con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án: Không.

Tiền sự: 02 tiền sự. Ngày 24/5/2022 bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã thi hành xong quyết định; Ngày 15/12/2022, Công an xã Đ ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Sầm Đức T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1973 - Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1970 - Địa chỉ: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút ngày 14/02/2023, tại lễ đường Quốc lộ 3 thuộc thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, tổ công tác Đội Cảnh sát ĐTTP về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện N phối hợp với Công an xã B đang làm nhiệm vụ thì phát hiện bắt quả tang Lương Văn Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ: 01 gói nhỏ chất màu trắng dạng cục được gói bằng một lớp nilon không màu cất giấu trong tất của Đ đang đi chân bên phải (được niêm phong trong phong bì ký hiệu T3); 01 gói chất màu trắng dạng cục được gói bằng 03 lớp, có 01 dây nịt màu vàng buộc bên ngoài, trong đó lớp ngoài cùng là lá cây (lá cây còn xanh tươi), hai lớp còn lại là lớp nilon không màu cất giấu trong tất của Đ đang đi chân bên trái, (được niêm phong trong bì ký hiệu T4). Ngoài ra Tổ công tác phát hiện tạm giữ số tiền 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng) được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu T1; 01 điện thoại di động được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu T2 và tạm giữ chiếc xe mô tô biển số đăng ký 97B1-134.24 do Đ điều khiển khi bị phát hiện bắt quả tang.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp nhà, nơi ở và công trình liên quan đối với Đ tại Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám xét không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến ma túy.

Tại biên bản mở niêm phong và cân xác định khối lượng ngày 14/02/2023 xác định:

- Bên trong phong bì niêm phong ký hiệu T3 có 01 (một) gói nilon không màu trong suốt, có chứa chất màu trắng dạng cục nghi là ma túy (loại Heroine). Cân riêng số chất màu trắng dạng cục có khối lượng 1,06 (một phẩy không sáu gam) để niêm phong lại trong phong bì mới ký hiệu A1 để gửi giám định .

- Bên trong phong bì niêm phong ký hiệu T4 có 01 (một) gói có 03 (ba) lớp, bên ngoài cùng là lá cây (lá còn xanh), 02 (hai) lớp tiếp theo là nilon không màu trong suốt được buộc bằng dây chun màu vàng (loại dây nịt), có chứa chất màu trắng dạng cục nghi là ma túy (loại Heroine). Cân riêng số chất màu trắng dạng cục có khối lượng 8,24g (tám phẩy hai bốn gam) được niêm phong lại trong phong bì mới ký hiệu A2 để gửi giám định.

Túi nilon cũ và phong bì niêm phong cũ T3, T4 thu giữ của Đ được niêm phong bì mới ký hiệu A3.

Tại bản Kết luận giám định số 68/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì

ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 1,06g (một phẩy không sáu gam). Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 8,24g (tám phẩy hai bốn gam).

Quá trình điều tra, truy tố, Đ khai nhận số ma túy trên là của Đ, do Đ mua về để sử dụng cho bản thân, cụ thể: Do bản thân nghiện ma túy nên khoảng 12 giờ 00 phút ngày 14/02/2023, Đ sử dụng điện thoại của Đ gọi cho chị T (Đ không biết họ, tên đệm, ngày, tháng, năm sinh), nhà ở Khu AB, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để hỏi mua ma túy mang về sử dụng. Sau khi trao đổi với nhau, được chị T đồng ý bán ma túy cho Đ và bảo Đ cầm tiền đi xuống nhà chị T. Đ một mình cầm 12.600.000đ (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1-134.24 từ nhà ở thôn P, xã B đi xuống đến đoạn đường bê tông liên thôn Khu C- Khu AB, xã B thì dừng lại trước cửa nhà bếp của chị T (loại cửa kim loại) sát mặt đường, lúc đó Đ thấy cửa hé mở và có giọng nói của người phụ nữ là “Đặt tiền đây rồi ra ngoài cầu đợi đi” (do trong nhà tối nên Đ không biết ai), Đ dùng tay trái cầm tiền đưa vào phía trong nhà bếp đặt xuống nền nhà bếp và quay đi ra cầu Khu AB, xã B đợi (vị trí Đ đợi cách nhà T khoảng 50 mét). Khoảng 20 phút sau, có một người ở trong vườn nhà T gọi Đ (Đ không biết là ai vì tường rào làm bằng bê tông cao, khép kín, không nhìn thấy người ở bên trong vườn nhưng qua giọng nói Đ nhận ra là giọng nam giới), sau đó Đ đi bộ quay lại gần bờ tường rào nhà T thì có người bên trong ném ra đường cho Đ 01 (một) gói ma túy. Sau đó, Đ nhặt lấy và cầm gói ma túy trong tay phải rồi đi xuống bờ đường gần suối cạnh cầu khu AB, xã B lấy gói ma túy chia ra làm 02 gói nhỏ, 01 gói nhỏ ma túy Đ xé một mảnh nilon từ nilon gói ban đầu để gói lại rồi cất vào trong tất chân bên phải đang mặc, gói ma túy còn lại to hơn Đ gói lại bằng 02 lớp nilon dùng dây nịt vàng buộc lại và ngắt lá cây mọc cạnh đường gói bên ngoài rồi cất vào trong tất chân trái đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Quá trình bắt quả tang anh Chu Văn H, sinh năm 1968, trú tại thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: Ngày 14/02/2023, bản thân chứng kiến việc Cơ quan Công an lập biên bản bắt quả tang đối với Lương Văn Đ về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSNS, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Lương Văn Đ về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 (sáu) tháng tù đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/02/2023.

- Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy (Heroin) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong, phong bì niêm phong cũ có trong các phong bì niêm phong ký hiệu T42, A3, B1; Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động có trong phong bì niêm phong ký hiệu Đ1; Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị K 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số tiền 270.000 đồng. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo có bản bào chữa nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, về xử lý vật chứng. Đề nghị xử phạt bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất trong mức đề nghị của Viện kiểm sát. Không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bản bào chữa của người bào chữa; Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do nghiện ma túy nên ngày 14/02/2023, Lương Văn Đ đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 (hai) gói ma túy (heroin) có tổng khối lượng 9,30g (chín phẩy ba không gam) trên người mục đích sử dụng cho bản thân và đã bị tổ công tác Công huyện N phát hiện bắt quả tang, tiến hành thu giữ toàn bộ tang vật.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 00 phút, ngày 14/02/2023; biên bản khám xét lập hồi 16 giờ 00 phút, ngày 14/02/2023; biên bản mở đóng niêm phong, cân xác định khối lượng chất màu trắng nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định ngày 14/02/2023; phù hợp với Kết luận giám định số 68/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn; phù hợp với các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung đối với bị can và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Qua tranh luận tại phiên tòa không có mâu thuẫn, không làm phát sinh tình tiết, chứng cứ mới.

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của Lương Văn Đ đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

g) Heroine..... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 9,30 gam (chín phẩy ba không gam) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, tiếp tay cho các đối tượng hám lời có cơ hội lưu thông, buôn bán ma túy, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền sự, bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Từ những nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên, người bào chữa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có việc làm, thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định, giấy gói cũ, phong bì niêm phong và phong bì niêm phong cũ là vật cấm lưu hành và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động bị cáo dùng để liên lạc mua ma túy nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA là tài sản riêng của chị Hoàng Thị K. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định chị K không biết chiếc xe mô tô này sử dụng vào hành vi vi phạm pháp luật và đề nghị được lấy lại nên cần trả lại cho chị Hoàng Thị K. Số tiền 270.000 đồng là tài sản của chị Hoàng Thị K không liên quan đến hành vi phạm tội, chị K yêu cầu lấy lại nên cần trả lại cho chị K.

[7] Các vấn đề liên quan trong vụ án

Đối với người phụ nữ tên T theo lời khai của bị cáo là người đã nghe điện thoại và bán ma túy cho bị cáo tại nhà. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra và xác minh xác định được có một người tên Hoàng Thị T, sinh năm 1968, trú tại khu AB, xã B, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, tại thời điểm điều tra, xác minh Hoàng Thị T không có mặt ở địa phương, người thân trong gia đình không xác định được T đi đâu, làm gì. Đối với số thuê bao 0362982047 (theo bị cáo trình bày là số điện thoại của T), cơ quan CSĐT đã làm công văn yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội cung cấp dữ liệu liên quan để phục vụ công tác xác minh, điều tra nhưng đến nay chưa có văn bản trả lời. Chưa đủ căn cứ xác định người bán ma túy cho bị cáo có phải là Hoàng Thị T hay không, nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người đàn ông đứng ở trong tường rào nhà T đã ném ma túy cho bị cáo, tường rào làm bằng bê tông, khép kín, không nhìn thấy người. Bị cáo không xác định được là ai. Kết thúc điều tra bị cáo không cung cấp được danh tính nên không đủ căn cứ để điều tra, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 14/02/2023.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: “T42; Vụ: Lương Văn Đ (1979) Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước phong bì có ghi: Túi nylon, dây nịt, lá cây thu giữ của Lương Văn Đ và phong bì niêm phong cũ đã ký hiệu T3, T4 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu A3.

- 01 (một) phong bì niêm phong cũ ký hiệu T1 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu B1.

2.2. Tịch thu hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Lương Văn Đ ngày 14/02/2023 đã được kiểm tra và phong bì niêm phong cũ ký hiệu T2 được cho vào phong bì niêm phong ký hiệu Đ1.

2.3. Trả lại cho chị Hoàng Thị K:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: JUPITER, màu sơn: đỏ-đen, biển số đăng ký: 97B1-134.24, số khung: RLCJ5B950CY127096, số máy: 5B95127102, tại vị trí yên xe có vết rách kích thước khoảng 2x3 cm, không có gương chiếu hậu hai bên, nắp trước tay lái, đèn xi nhan trước hai bên, chắc bùm trước, phía ngoài cánh yếm bên phải, ốp sườn hai bên bị trầy xước, xe cũ đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe mô tô.

- Số tiền 270.000 đồng tạm giữ của Lương Văn Đ ngày 14/02/2023, có trong 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu B2.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 22/8/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ngân Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngân Sơn).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện;
- Cơ quan THAHS Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ